

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÁI PHIÊN

TỔ HÓA HỌC

HƯỚNG DẪN

ÔN TẬP HKI- MÔN HÓA HỌC 12



NĂM HỌC 2020-2021

ĐỀ THAM KHẢO 1**Môn : Hóa học**

- Câu 1:** Cation R^+ có cấu hình electron kết thúc ở phân lớp $2p^6$. Vậy R thuộc:
A. Chu kỳ 2 nhóm VIA. B. Chu kỳ 3 nhóm IA.
C. Chu kỳ 4 nhóm IA. D. Chu kỳ 4 nhóm VIA.
- Câu 2:** Cho dãy các chất: $C_2H_5NH_2$, CH_3NH_2 , NH_3 , $C_6H_5NH_2$ (anilin). Chất trong dãy có lực bazơ yếu nhất là
A. $C_6H_5NH_2$. B. NH_3 . C. $C_2H_5NH_2$. D. CH_3NH_2 .
- Câu 3:** Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 7,5 gam H_2NCH_2COOH cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là
A. 100. B. 150. C. 200. D. 50.
- Câu 4:** Số đồng phân este có công thức $C_4H_8O_2$ là:
A. 3 B. 2 C. 6 D. 4
- Câu 5:** Cho m gam glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 (đun nóng), thu được 21,6 gam Ag. Giá trị của m là
A. 36,0. B. 18,0. C. 9,0. D. 16,2.
- Câu 6:** Poli(metyl metacrylat) và nilon-6 được tạo thành từ các monome tương ứng là
A. $CH_2=CH-COOCH_3$ và $H_2N-[CH_2]_6-COOH$.
B. $CH_2=C(CH_3)-COOCH_3$ và $H_2N-[CH_2]_6-COOH$.
C. $CH_3-COO-CH=CH_2$ và $H_2N-[CH_2]_5-COOH$.
D. $CH_2=C(CH_3)-COOCH_3$ và $H_2N-[CH_2]_5-COOH$.
- Câu 7:** Cho dãy các chất: CH_3COOCH_3 , C_2H_5OH , H_2NCH_2COOH , CH_3NH_2 . Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là
A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.
- Câu 8:** Tinh bột thuộc loại
A. Disaccarit. B. Monosaccarit. C. Polisaccarit. D. Lipit.
- Câu 9:** Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là
A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.
- Câu 10:** Xà phòng hoá hoàn toàn 17,24 gam chất béo cần vừa đủ 0,06 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được khối lượng xà phòng là
A. 16,68 gam. B. 17,80 gam. C. 18,24 gam. D. 18,38 gam.
- Câu 11:** Etyl axetat có công thức là:
A. $CH_3COOC_2H_5$. B. $C_2H_5COOCH_3$. C. $CH_3COOCH=CH_2$. D. CH_3COOH .
- Câu 12:** Phát biểu nào sau đây là **sai**?
A. Các Amino axit đều có tính lưỡng tính
B. Các amin đều có khả năng làm xanh quỳ tím ẩm.
C. Tính bazơ của các amin là do nguyên tử Nito trong amin còn một cặp e tự do nên dễ nhận H^+
D. Các amino axit tồn tại dưới dạng ion lưỡng cực nên có nhiệt độ nóng chảy cao.
- Câu 13:** Trong các chất: $HOOC-CH_2-CH_2-CH(NH_2)-COOH$, CH_3COOH , C_6H_5OH ; $CH_3-CH_2-NH_2$, H_2N-CH_2-COOH , $H_2N-CH_2-CH_2-CH(NH_2)-COOH$. Số chất làm quỳ tím chuyển sang màu hồng là
A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.
- Câu 14:** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?
A. Etyl axetat. B. Saccarozơ. C. Tinh bột. D. Glucozơ.
- Câu 15:** Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím đổi thành màu xanh?
A. Alanin B. Lysin C. Valin D. Glyxin
- Câu 16:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?
A. Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit là phản ứng một chiều
B. Triolein là chất béo có công thức $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$.
C. Phản ứng giữa CH_3COOH với C_2H_5OH trong môi trường axit là phản ứng xà phòng hóa
D. Thủy phân este trong môi trường kiềm luôn thu được muối và ancol.
- Câu 17:** Chất nào sau đây **không** tác dụng với NaOH?
A. CH_3COOH . B. CH_3COOCH_3 . C. CH_3NH_2 . D. H_2NCH_2COOH .
- Câu 18:** Thể tích của dung dịch axit nitric 63 % ($D = 1,4 \text{ g/ml}$) cần vừa đủ để sản xuất được 59,4 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 80%) là
A. 14,29 B. 53,57 C. 34,29 D. 42,34
- Câu 19:** Cho các loại tơ: bông, tơ capron, tơ xenlulozơ axetat, tơ tằm, tơ nitron, nilon-6,6. Số tơ tổng hợp là

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 5
- Câu 20:** Số đồng phân cấu tạo amin bậc một ứng với công thức phân tử C_3H_9N là
- A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.
- Câu 21:** Thuốc thử được dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly với Gly-Ala là
- A. dung dịch NaOH. B. dung dịch NaCl.
C. $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm. D. dung dịch HCl.
- Câu 22:** Trùng hợp 3,36 lít propilen (đktc), nếu hiệu suất phản ứng là 80% thì khối lượng polime thu được là
- A. 10,5 gam. B. 5,04 gam. C. 5,28 gam. D. 7,875 gam.
- Câu 23:** Khi đun nóng chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$ với dung dịch NaOH thu được CH_3COONa . Công thức cấu tạo của X là
- A. CH_3COOCH_3 . B. C_2H_5COOH . C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $HCOOC_2H_5$.
- Câu 24:** Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol metyl amin (CH_3NH_2), sinh ra V lít khí N_2 (ở đktc). Giá trị của V là
- A. 1,12. B. 2,24. C. 8,96. D. 4,48.
- Câu 25:** Thủy phân hoàn toàn 1 mol peptit X mạch hở thu được 2 mol alanin; 1 mol glyxin; 1 mol valin. Mặt khác, khi thủy phân không hoàn toàn peptit X thì thu được 3 dipeptit là Ala-Gly và Val-Ala và Ala-Ala. Vậy công thức cấu tạo của X là
- A. Ala-Gly-Val-Ala B. Val-Ala-Ala-Gly C. Ala-Ala-Gly-Val D. Gly-Ala-Ala-Val
- Câu 26:** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol este đơn chức, cần vừa đủ V lít O_2 (ở đktc), thu được 0,4 mol CO_2 và 0,4 mol H_2O . Giá trị của V là
- A. 6,72. B. 12,32. C. 15,68. D. 11,2.
- Câu 27:** Cho các phát biểu sau về cacbohidrat:
- (a) Glucozơ và saccarozơ đều là chất rắn có vị ngọt, dễ tan trong nước.
(b) Tinh bột và xenlulozơ đều là polisaccarit.
(c) Trong dung dịch, glucozơ và saccarozơ đều hòa tan $Cu(OH)_2$, tạo phức màu xanh lam.
(d) Khi thủy phân hoàn toàn hỗn hợp gồm tinh bột và saccarozơ trong môi trường axit, chỉ thu được một loại monosaccarit duy nhất.
(e) Khi đun nóng glucozơ (hoặc fructozơ) với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được Ag.
(g) Glucozơ và saccarozơ đều tác dụng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) tạo sobitol.
- Số phát biểu **đúng** là
- A. 3. B. 4. C. 5 D. 6.
- Câu 28:** Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm Fructozơ, Glucozo, metyl fomat, andehit fomic và glixerol. Sau phản ứng thu được 16,8 lít khí CO_2 (đktc) và 16,2 gam H_2O . Thành phần % theo khối lượng của glixerol trong hỗn hợp X là
- A. 60,52% B. 62,67% C. 19,88% D. 86,75%
- Câu 29:** Cho 0,02 mol amino axit X tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch HCl 0,1M thu được 3,67 gam muối khan. Mặt khác 0,02 mol X tác dụng vừa đủ với 40 gam dung dịch NaOH 4%. Công thức của X là
- A. $H_2NC_3H_6COOH$. B. $(H_2N)_2C_3H_5COOH$.
C. $H_2NC_2H_3(COOH)_2$. D. $H_2NC_3H_5(COOH)_2$.
- Câu 30:** Đốt cháy hoàn toàn 4,4 gam este X **không phân nhánh** thu được 4,48 lít CO_2 (đktc) và 3,6 gam nước. Mặt khác, nếu đun nóng 4,4 gam X với NaOH thu được 3,4 gam muối. Vậy X là
- A. isopropyl fomat B. Metyl propionat C. Propyl fomat D. etyl axetat

- Câu 1:** Số đồng phân của este có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ là
 A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.
- Câu 2:** $C_{12}H_{22}O_{11}$ là công thức phân tử của
 A. glucozơ. B. saccarozơ. C. fructozơ. D. xenlulozơ.
- Câu 3:** Chất có khả năng tham gia trực tiếp phản ứng tráng bạc là:
 A. xenlulozơ. B. glucozơ. C. saccarozơ D. tinh bột.
- Câu 4:** Công thức tổng quát của hợp chất amin đơn chức, no, mạch hở là
 A. $C_nH_{2n+3}N(n \geq 1)$. B. $C_nH_{2n+2}N(n \geq 1)$.
 C. $C_nH_{2n+1}N(n \geq 1)$. D. $C_nH_{2n-1}N(n \geq 1)$.
- Câu 5:** Chất nào sau đây thuộc nhóm monosaccarit
 A. Fructozơ. B. Tinh bột. C. Xenlulozơ. D. Saccarozơ
- Câu 6:** Phát biểu nào sau đây là đúng ?
 A. Xenlulozơ tan tốt trong dimetylate.
 B. Saccarozơ có khả năng tham gia phản ứng tráng gương.
 C. Glucozơ thể hiện tính oxi hóa khi tác dụng với H_2 (xúc tác Ni, to).
 D. Amilozơ và amilopectin là đồng phân của nhau.
- Câu 7:** Nhận xét nào dưới đây là đúng:
 A. Tripeptit hòa tan $Cu(OH)_2$ tạo dung dịch xanh lam.
 B. Trong phân tử protein luôn có nguyên tử nitơ.
 C. Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân của nhau.
 D. Este là những chất hữu cơ dễ tan trong nước.
- Câu 8:** Xà phòng hóa chất nào sau đây thu được glixerol
 A. Benzyl axetat. B. Tristearin. C. Metyl fomat. D. Metyl axetat.
- Câu 9:** Có thể phân biệt xenlulozơ với tinh bột nhờ phản ứng
 A. với axit H_2SO_4 . B. với kiềm. C. với dung dịch iot. D. thủy phân.
- Câu 10:** Để rửa sạch ống nghiệm còn dính anilin, nên rửa ống nghiệm bằng dung dịch chứa chất nào dưới đây trước khi rửa lại bằng nước cất
 A. Axit mạnh. B. Muối ăn. C. Bazơ mạnh. D. Xà phòng.
- Câu 11:** Cho hợp chất H_2N-CH_2-COOH tác dụng với các chất sau: CH_3OH (dư)/HCl, NaOH dư, CH_3COOH , HCl. Số trường hợp có phản ứng xảy ra là
 A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.
- Câu 12:** Cho các phát biểu sau:
 (a) Saccarozơ là nguyên liệu dùng trong kĩ thuật tráng gương, tráng ruột phích.
 (b) Dầu ăn và mỡ bôi trơn đều chứa các nguyên tố C, H, O.
 (c) Protein trong lòng trắng trứng được cấu tạo bởi các gốc α -aminoaxit.
 (d) Tơ nitron dai, bền với nhiệt và giữ nhiệt tốt, nên được dùng để dệt vải may quần áo ấm.
 (e) Cao su buna có tính đàn hồi và độ bền tốt hơn cao su thiên nhiên.
 Số lượng phát biểu đúng là:
 A. 3. B. 5. C. 2. D. 1
- Câu 13:** Thực hiện thí nghiệm với các bước như sau:
 - Bước 1: Nhỏ vài giọt anilin vào ống nghiệm chứa 10 ml nước cất, lắc đều, sau đó để yên.
 - Bước 2: Nhỏ từ từ dung dịch HCl đặc đến dư vào ống nghiệm trên, lắc đều, sau đó để yên.
 - Bước 3: Cho tiếp dung dịch NaOH loãng từ từ đến dư vào ống nghiệm đó, lắc đều, sau đó để yên.
 Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Nhận định nào sau đây **không đúng**?
 A. Kết thúc bước 1, anilin hầu như không tan.
 B. Kết thúc bước 2 thì không thấy có sự phân lớp chất lỏng.

C. Kết thúc bước 1, nhúng quy tím vào thấy quy tím không đổi màu.

D. Kết thúc bước 3, thu được dung dịch đồng nhất trong suốt.

Câu 14: Xà phòng hóa hoàn toàn triglycerit **X** trong dung dịch NaOH dư, thu được glycerol, natri oleat, natri stearat và natri panmitat. Phân tử khối của **X** là

- A. 860 B. 862 C. 884 D. 886

Câu 15: Để phân biệt các dung dịch riêng biệt: anilin, glucozơ và alanin, ta dùng dung dịch nào sau đây

- A. NaOH B. $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ C. HCl D. Br_2

Câu 16: Số đồng phân cấu tạo ứng với amin có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

- A. 7 B. 6 C. 8 D. 5

Câu 17: Kim loại nào sau đây có nhiệt độ nóng chảy cao nhất?

- A. Cr. B. Ag. C. W. D. Fe.

Câu 18: Chất nào dưới đây là một este?

- A. CH_3COOH B. CH_3COCl C. CH_3CONH_2 D. HCOOCH_3

Câu 19: Vinyl axetat có công thức là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. B. HCOOC_2H_5 .
C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ D. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.

Câu 20: Etyl fomat là chất mùi thơm, không độc, được dùng làm chất tạo hương trong công nghiệp thực phẩm, có phân tử khối là

- A. 68. B. 60 C. 88. D. 74

Câu 21: Xà phòng hóa hoàn toàn 3,7 gam HCOOC_2H_5 bằng một lượng dung dịch NaOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 4,8. B. 5,2. C. 3,2. D. 3,4.

Câu 22: Khi thủy phân một triglycerit X, thu được các axit béo gồm axit oleic, axit panmitic, axit stearic. Thể tích khí O_2 (đktc) cần để đốt cháy hoàn toàn 8,6 gam X là

- A. 16,128 lít. B. 20,160 lít. C. 17,472 lít. D. 15,680 lít.

Câu 23: Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam este X đơn chức thu được 6,72 lít CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . Công thức phân tử của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$. C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ D. $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$.

Câu 24: Cho m gam xenlulozơ tác dụng vừa hết với 25,2 gam HNO_3 có trong hỗn hợp HNO_3 đặc và H_2SO_4 đặc tạo thành 66,6 gam *coloxilin* (là hỗn hợp của xenlulozơ mononitrat và xenlulozơ dinitrat). Vậy m bằng

- A. 24,3 gam. B. 32,4 gam. C. 48,6gam. D. 54,0 gam.

Câu 25: Hỗn hợp X gồm glyxin, alanin và axit glutamic. Trong X, nguyên tố oxi chiếm 40% về khối lượng. Cho m gam X tác dụng hoàn toàn với dung dịch NaOH, tạo ra 8,16 gam muối. Giá trị của m là

- A. 5,6. B. 4,8. C. 6,4 D. 7,2.

Câu 26: Cho 11,25 gam $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ tác dụng với 200 ml dd HCl x (M). Sau khi phản ứng xong thu được dd có chứa 22,2 gam chất tan. Giá trị của x là

- A. 1,3M B. 1,25M C. 1,36M D. 1,5M

Câu 27: Tripeptit X có công thức $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{COOH}$. Thủy phân hoàn toàn 0,1 mol X trong 400 ml dung dịch NaOH 1M. Khối lượng chất rắn thu được khi cô cạn dung dịch sau phản ứng là

- A. 28,6 gam. B. 35,9 gam. C. 31,9 gam D. 22,2 gam.

Câu 28: Cho 1,5 gam hỗn hợp X gồm Al và Mg phản ứng hết với dung dịch HCl dư, thu được 1,68 lít khí H_2 (đktc). Khối lượng của Mg trong X là

- A. 0,60 gam. B. 0,90 gam. C. 0,42 gam. D. 0,48 gam.

Câu 29: Cho 2,06 gam hỗn hợp gồm Fe, Al, và Cu tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng dư đến phản ứng hoàn toàn thu được 0,896 lít khí NO (đktc, sản phẩm khử duy nhất). Khối lượng muối nitrat sinh ra là

- A. 9,5 gam. B. 7,44 gam. C. 7,02 gam D. 4,54 gam.

Câu 30: Thủy phân hoàn toàn m gam saccarozơ thu được 270 gam hỗn hợp glucozơ và fructozơ. Giá trị của m là

- A. 256,5 gam. B. 270 gam. C. 288 gam D. 513 gam.

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

ĐỀ THAM KHẢO 3

Môn : Hóa học

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Tinh bột có phản ứng tráng bạc.
B. Dung dịch saccarozơ phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch màu xanh lam.
C. Glucozơ bị khử bởi dung dịch AgNO_3 trong NH_3
D. Xenlulozơ bị thủy phân trong dung dịch kiềm đun nóng.

Câu 2: Đun nóng axit axetic với ancol iso-amyl $(\text{CH}_3)_2\text{CH}-\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ có H_2SO_4 đặc xúc tác thu được iso-amyl axetat (dầu chuối). Tính lượng dầu chuối thu được từ 132,35 gam axit axetic đun nóng với 200 gam ancol iso-amyl. Biết hiệu suất phản ứng đạt 68%

- A. 97,5 gam B. 195,0 gam C. 292,5 gam D. 159,0 gam

Câu 3: Cho các phát biểu sau:

- 1) Các peptit đều có phản ứng màu biure
- 2) Fructozơ có phản ứng với $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ tạo Ag
- 3) Đốt cháy hoàn toàn este no đơn chức mạch hở thu được CO_2 và H_2O số mol bằng nhau
- 4) Mỡ động vật và dầu thực vật đều không tan trong nước và nhẹ hơn nước

Số phát biểu **đúng** là

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

Câu 4: Este no, đơn chức, mạch hở có công thức tổng quát là

- A. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 1$). B. RCOOR' . C. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 2$). D. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}$ ($n \geq 2$).

Câu 5: Cacbohidrat nhất thiết phải chứa nhóm chức của

- A. ancol. B. anđehit. C. xeton. D. amin.

Câu 6: Trùng hợp 3,36 lít propilen (đktc), nếu hiệu suất phản ứng là 80% thì khối lượng polime thu được

- A. 7,875 gam. B. 5,28 gam. C. 10,5 gam. D. 5,04 gam.

Câu 7: Cho 0,08 mol hỗn hợp X gồm bốn este mạch hở phản ứng vừa đủ với 0,17 mol H_2 (xúc tác Ni, t°), thu được hỗn hợp Y. Cho toàn bộ Y phản ứng vừa đủ với 110 ml dung dịch NaOH 1 M, thu được hỗn hợp Z gồm hai muối của hai axit cacboxylic no có mạch cacbon không phân nhánh và 6,88 gam hỗn hợp T gồm hai ancol no, đơn chức. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 0,01 mol X cần vừa đủ 0,09 mol O_2 . Phần trăm về khối lượng của muối có phân tử khối nhỏ hơn trong Z là

- A. 50,3% B. 49,7% C. 58,8% D. 41,2%.

Câu 8: Đun sôi a (gam) một triglixerit X với dung dịch KOH cho đến khi phản ứng hoàn toàn, thu được 0,92 gam glixerol và 9,58 gam hỗn hợp Y gồm muối của axit linoleic và axit oleic. Giá trị của a là

- A. 8,82g. B. 9,91g. C. 10,90g. D. 8,92g.

Câu 9: Dãy gồm các chất đều tác dụng với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 là:

- A. Glucozơ, fructozơ, etyl fomat, saccarozơ. B. Glucozơ, fructozơ, axit fomic, anđehit axetic.
C. Fructozơ, etyl fomat, glixerol, anđehit axetic. D. Glucozơ, glixerol, fructozơ, axit fomic.

Câu 10: Khối lượng của một đoạn mạch tơ nylon-6,6 là 27346 u và của một đoạn mạch tơ capron là 17176 u. Số lượng mắt xích trong đoạn mạch nylon-6,6 và capron nêu trên lần lượt là

- A. 113 và 152. B. 121 và 114. C. 121 và 152. D. 113 và 114.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Xenlulozơ là nguyên liệu để sản xuất một số tơ nhân tạo.
- B. Glucozơ được dùng trong công nghiệp sản xuất saccarozơ.
- C. Tinh bột được dùng trong công nghiệp sản xuất bánh kẹo.
- D. Saccarozơ được dùng trong công nghiệp tráng gương

Câu 12: Cho dãy các chất: $C_6H_5NH_2$ (anilin), H_2NCH_2COOH , CH_3CH_2COOH , $CH_3CH_2CH_2NH_2$, C_6H_5OH (phenol). Số chất trong dãy tác dụng được với dung dịch HCl là

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 13: Cho 15g hỗn hợp các amin gồm anilin, metylamin, đimetylamin, dietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50ml dung dịch HCl 1M. Khối lượng sản phẩm thu được có giá trị là

- A. 16,825 g. B. 20,18 g. C. 21,123 g D. 18,65 g.

Câu 14: Cho dãy các chất: triolein; saccarozơ; nylon-6,6; tơ lapsan; xenlulozơ và glyxylglyxin. Số chất trong dãy cho được phản ứng thủy phân trong môi trường kiềm là

- A. 6 B. 4 C. 5 D. 3

Câu 15: Loại tơ nào sau đây khi đốt cháy hoàn toàn chỉ thu được CO_2 và H_2O .

- A. Nilon-6,6 B. Tơ olon C. Tơ tằm D. Tơ lapsan

Câu 16: Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, anbumin, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 4

Câu 17: Chất rắn không màu, dễ tan trong nước, kết tinh ở điều kiện thường là:

- A. $C_6H_5NH_2$. B. H_2NCH_2COOH . C. CH_3NH_2 . D. C_2H_5OH .

Câu 18: Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Dung dịch glyxin không làm đổi màu quỳ tím.
- B. Anilin tác dụng với nước brom tạo thành kết tủa trắng.
- C. Dung dịch lysin làm xanh quỳ tím.
- D. Cho $Cu(OH)_2$ vào dung dịch lòng trắng trứng thấy xuất hiện màu vàng.

Câu 19: Cho các phát biểu sau:

- (a) Ở nhiệt độ thường, $Cu(OH)_2$ có thể tan trong dung dịch glucozơ.
- (b) Anilin là một bazơ, dung dịch của nó làm giấy quỳ tím chuyển thành màu xanh.
- (c) Ở nhiệt độ thường, metyl acrylat phản ứng được với dung dịch brom.
- (d) Ở điều kiện thích hợp, glyxin phản ứng được với ancol etylic.

Số phát biểu **đúng** là

- A. 3 B. 4 C. 1 D. 2

Câu 20: Cho 31,4 gam hỗn hợp gồm glyxin và alanin phản ứng vừa đủ với 400 ml dung dịch NaOH 1M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 40,6. B. 42,5. C. 40,2. D. 48,6.

Câu 21: Etylamin được dùng để sản xuất thuốc chữa bệnh, các chất phòng trừ dịch hại, chất dẫn dụ côn trùng, chất ức chế ăn mòn kim loại... Công thức cấu tạo thu gọn của etylamin là

- A. CH_3NHCH_3 B. $CH_3CH_2NH_2$ C. $(CH_3)_3N$ D. CH_3NH_2

Câu 22: Kim loại M phản ứng được với: dung dịch HCl, dung dịch $Cu(NO_3)_2$, dung dịch HNO_3 (đặc, nguội). Kim loại M là

- A. Zn. B. Al. C. Fe. D. Ag.

Câu 23: Cho 50ml dung dịch glucozơ chưa rõ nồng độ tác dụng với một lượng dư dung dịch $AgNO_3/NH_3$ thu được 2,16g bạc kết tủa. Nồng độ mol của dung dịch glucozơ đã dùng là

- A. 0,2M. B. 0,1M C. 0,001M. D. 0,02M.

Câu 24: Tính chất vật lý nào dưới đây của kim loại **không** phải do các electron tự do gây ra?

- A. Ánh kim. B. Tính dẻo. C. Tính cứng. D. Tính dẫn điện và nhiệt.

Câu 25: Trong điều kiện thường, X là chất rắn, dạng sợi màu trắng. Phân tử X có cấu trúc mạch không phân nhánh, không xoắn. Thủy phân X trong môi trường axit, thu được glucozơ. Tên gọi của X là

- A. saccarozơ. B. fructozơ. C. amilopectin. D. xenlulozơ

Câu 26: Nhận xét nào dưới đây là đúng

- A. Tripeptit hòa tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch xanh lam.
B. Trong phân tử protein luôn có nguyên tử nitơ.
C. Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân của nhau.
D. Este là những chất hữu cơ dễ tan trong nước.

Câu 27: Đốt cháy 2,15 gam hỗn hợp gồm Zn, Al, Mg trong khí oxi dư, thu được 3,43 gam hỗn hợp X. Toàn bộ X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch HCl 0,5M. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

- A. 160. B. 240 C. 320 D. 480.

Câu 28: Phát biểu nào sau đây **chưa** chính xác ?

- A. Glucozơ là hợp chất hữu cơ tạp chức.
B. Metylamin là chất lỏng ở điều kiện thường, làm quỳ tím hóa xanh.
C. Etyl fomat cho được phản ứng tráng gương.
D. Amino axit là chất rắn ở điều kiện thường và dễ tan trong nước.

Câu 29: Trong các loại tơ: nilon-6 (1), nitron (2), xenlulozơ axetat (3), visco (4) ; các tơ tổng hợp là:

- A. (3),(4). B. (1),(4). C. (1),(2). D. (2),(3).

Câu 30: Thể tích của dung dịch axit nitric 63 % ($D = 1,4 \text{ g/ml}$) cần vừa đủ để sản xuất được 59,4 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 80%) là

- A. 53,57 lít. B. 14,29 lít. C. 34,29 lít. D. 42,34 lít.

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

ĐỀ THAM KHẢO 4

Môn : Hóa học

Câu 1: Đốt cháy hoàn toàn 4,2g este đơn chức X thu được 6,16g CO_2 và 2,52g nước. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

- A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. C. HCOOCH_3 . D. HCOOC_2H_5 .

Câu 2: Thủy phân hoàn toàn 62,5g dung dịch saccarozơ 17,1% có vài giọt dung dịch H_2SO_4 loãng, thu được dung dịch X. thêm NaHCO_3 vào dung dịch X đến khi ngừng thoát khí rồi cho tiếp dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ đun nóng đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, số gam bạc thu được là

- A. 3,375 B. 6,75 C. 11,25 D. 13,5

Câu 3: Trong các loại tơ: nilon-6 (1), nitron (2), xenlulozơ axetat (3), visco (4), các loại tơ tổng hợp là

- A. (3), (4) B. (1), (4) C. (1), (2) D. (2), (3)

Câu 4: Nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Protein có phản ứng màu biure với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
B. Peptit có thể bị thủy phân trong môi trường axit và bazơ.
C. Dung dịch glyxxin làm quỳ tím hóa đỏ.
D. Liên kết peptit là liên kết $-\text{CO}-\text{NH}-$ tạo thành giữa 2 đơn vị α -amino axit.

Câu 5: Anilin **không** phản ứng với dung dịch nào sau đây?

- A. Nước brom. B. H_2SO_4 . C. HCl. D. NaOH.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Dầu ăn và dầu bôi trơn máy đều là chất béo
B. Chất béo chứa các gốc axit béo không no ở trạng thái lỏng.
C. Chất béo là loại hợp chất trieste.

D. Chất béo không tan trong nước.

Câu 7: Cho sơ đồ chuyển hóa: Xenlulozo $\rightarrow$ X $\rightarrow$ Y $\rightarrow$ axit axetic. X và Y lần lượt là

A. saccarozo và glucozo

B. glucozo và etyl axetat

C. ancol etylic và andehit axetic

D. glucozo và ancol etylic

Câu 8: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

A. Tinh bột

B. Fructozo

C. Glucozo

D. Saccarozo

Câu 9: Thuốc thử dùng để phân biệt tripeptit và dipeptit là

A. dung dịch NaCl.

B. dung dịch NaOH.

C. $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

D. dung dịch HCl.

Câu 10: Cation R^+ có cấu hình electron phân lớp ngoài cùng là $2p^6$. R là

A. Na

B. F

C. K

D. Ca

Câu 11: Công thức phân tử của amin đơn chức chứa 19,718% N về khối lượng là

A. $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$.

B. $\text{C}_4\text{H}_9\text{N}$.

C. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$.

D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$.

Câu 12: Tên thay thế của $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{NH}_2$ là

A. propan-1-amin

B. propylamin

C. propyl-1-amin

D. pro-1-ylamin

Câu 13: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Các polime đều có cấu trúc mạch không nhánh.

B. Đa số các polime không tan trong các dung môi thông thường.

C. Polime không có nhiệt độ nóng chảy xác định.

D. Hầu hết các polime đều là chất rắn không bay hơi.

Câu 14: Không thể phân biệt etyl axetat và axit axetic bằng hóa chất nào sau đây?

A. $\text{Mg}(\text{OH})_2$.

B. Quỳ tím.

C. CaCO_3 .

D. NaOH.

Câu 15: Vinyl axetat có công thức cấu tạo thu gọn là

A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{-CH=CH}_2$.

B. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COO-CH=CH}_2$.

C. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.

D. $\text{CH}_3\text{COO-CH=CH}_2$.

Câu 16: Polime nào sau đây được điều chế trực tiếp bằng phản ứng trùng hợp?

A. Polisaccarit

B. Nilon-6,6

C. Protein

D. Poli(vinyl clorua)

Câu 17: Yếu tố nào sau đây là nguyên nhân chủ yếu tạo ra tính dẫn điện, dẫn nhiệt, dẻo, ánh kim của kim loại?

A. Các e tự do trong mạng tinh thể kim loại.

B. Cấu tạo mạng tinh thể kim loại.

C. Bán kính nguyên tử kim loại

D. Khối lượng riêng của kim loại.

Câu 18: Cho 0,01 mol amino axit X tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch HCl 0,10M. Mặt khác 0,02 mol X tác dụng vừa đủ với 10 gam dung dịch NaOH 8% thu được 2,80 gam muối khan. Công thức của X là

A. $\text{H}_2\text{NC}_3\text{H}_6\text{COOH}$

B. $(\text{H}_2\text{N})_2\text{C}_3\text{H}_5\text{COOH}$

C. $\text{H}_2\text{NC}_3\text{H}_5(\text{COOH})_2$

D. $(\text{H}_2\text{N})_2\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$

Câu 19: Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

A. hoà tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

B. trùng ngưng.

C. tráng gương.

D. thủy phân.

Câu 20: Cho các polime sau: tơ nilon-6,6; poli(vinyl clorua); thủy tinh plexiglas; teflon; nhựa novolac; tơ visco, tơ nitron, cao su buna. Trong đó, số polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là

A. 5

B. 4

C. 6

D. 7

Câu 21: Phản ứng trùng ngưng là phản ứng :

A. Kết hợp liên tiếp nhiều phân tử nhỏ (monome) giống nhau hay tương tự nhau thành phân tử rất lớn (polime).

B. Cộng hợp liên tiếp nhiều phân tử nhỏ thành phân tử lớn và tách loại H_2O .

C. Kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phân tử lớn (polime) và tách loại phân tử nhỏ khác (như H_2O ..)

D. Cộng hợp liên tiếp nhiều phân tử nhỏ (monome) giống nhau thành nhiều phân tử lớn (polime).

Câu 22: Cho sơ đồ sau: Tinh bột $\rightarrow$ glucozơ $\rightarrow$ ancol etylic $\rightarrow$ axit axetic.

Để điều chế 300 gam dung dịch CH_3COOH 25% thì phải cần bao nhiêu gam gạo (chứa 80% tinh bột).

Biết hiệu suất của mỗi phản ứng đạt 75%.

A. 240g

B. 150g

C. 135g

D. 300g

Câu 23: Dãy nào sau đây chỉ gồm các polime có cấu trúc không phân nhánh?

- A. polibutadien, caosu lưu hoá, amilozơ, xenlulozơ.
- B. PVC, poli isopren, amilozơ, xenlulozơ, poli stiren.
- C. PVC, polibutadien, xenlulozơ, amilopectin.
- D. polibutadien, poliisopren, amilopectin, xenlulozơ

Câu 24: Ứng với công thức $C_5H_{13}N$ có số đồng phân amin bậc 3 là:

- A. 2.
- B. 5.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 25: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp gồm 2 este no hở đơn chức cần 5,68 g khí oxi và thu được 3,248 lít khí CO_2 (đktc). Cho hỗn hợp este trên tác dụng vừa đủ với KOH thu được 2 ancol là đồng đẳng kế tiếp và 3,92 g muối của một axit hữu cơ. Công thức cấu tạo của 2 este là

- A. $HCOOCH_3$ và $HCOOC_2H_5$.
- B. $C_3H_7COOCH_3$ và $CH_3COOC_2H_5$.
- C. CH_3COOCH_3 và $CH_3COOC_2H_5$.
- D. $C_2H_5COOCH_3$ và $C_2H_5COOC_2H_5$.

Câu 26 : Phát biểu đúng là

- A. Phản ứng giữa axit và ancol khi có H_2SO_4 đặc là phản ứng một chiều.
- B. Tất cả các este phản ứng với dung dịch kiềm luôn thu được sản phẩm cuối cùng là muối và ancol.
- C. Khi thủy phân chất béo luôn thu được $C_2H_4(OH)_2$.
- D. Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.

Câu 27: Cho các chất: etilen; saccarozơ; axetilen; fructozơ; andehit axetic; tinh bột; axit fomic; xenlulozơ; glucosơ. Số chất có thể phản ứng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ tạo kết tủa là

- A. 5.
- B. 7.
- C. 3.
- D. 6.

Câu 28: Ancol và amin nào sau đây cùng bậc?

- A. $(CH_3)_2CHOH$ và $(CH_3)_2CHNH_2$.
- B. $(CH_3)_3COH$ và $(CH_3)_3CNH_2$.
- C. $C_6H_5NHCH_3$ và $C_6H_5CH(OH)CH_3$.
- D. $(C_6H_5)_2NH$ và $C_6H_5CH_2OH$.

Câu 29: Hỗn hợp X gồm axit $HCOOH$ và CH_3COOH có số mol bằng nhau. Lấy 5,3 g hỗn hợp X cho tác dụng với 5,75 g C_2H_5OH (có H_2SO_4 đặc làm xúc tác) thu được m (g) hỗn hợp este (hiệu suất các phản ứng este hóa đều bằng 80%). Giá trị m là

- A. 8,80
- B. 7,04
- C. 6,48
- D. 8,10

Câu 30: Cho 15g hỗn hợp anilin, metyl amin, đimetylamin, dietylmetylamin tác dụng vừa đủ với 50ml dung dịch HCl 1M. Khối lượng muối thu được là

- A. 16,825 g
- B. 20,18g
- C. 21,123g
- D. 15,925g

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I LỚP 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

ĐỀ THAM KHẢO 5

Môn : Hóa học

Câu 1: Cho sơ đồ biến hóa sau: Alanin $\xrightarrow{+NaOH}$ X $\xrightarrow{+HCl}$ Y. Chất Y là chất nào sau đây ?

- A. $CH_3-CH(NH_2)-COONa$
- B. $H_2N-CH_2-CH_2-COOH$
- C. $CH_3-CH(NH_3Cl)COOH$
- D. $CH_3-H(NH_3Cl)COONa$

Câu 2: Cho một số tính chất: có dạng sợi (1); tan trong nước (2); tan trong nước Svayde (3); phản ứng với axit nitric đặc (xúc tác axit sunfuric đặc) (4); tham gia phản ứng tráng bạc (5); bị thủy phân trong dung dịch axit đun nóng (6). Các tính chất của xenlulozơ là:

- A. (1), (2), (3) và (4).
- B. (1), (3), (4) và (6).
- C. (2), (3), (4) và (5).
- D. (3), (4), (5) và (6).

Câu 3: Poli (vinyl clorua) có công thức là

- A. $(-CH_2-CHF-)_n$
- B. $(-CH_2-CH_2-)_n$
- C. $(-CH_2-CHBr-)_n$
- D. $(-CH_2-CHCl-)_n$

Câu 4: Khi nói về peptit và protein, phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Tất cả các protein đều tan trong nước tạo thành dung dịch keo.
- B. Trong protein luôn luôn chứa nguyên tố nitơ.
- C. Liên kết của nhóm CO với nhóm NH giữa hai đơn vị α -amino axit được gọi là liên kết peptit.
- D. Thủy phân hoàn toàn protein đơn giản thu được các α -amino axit.

Câu 5: Chất nào dưới đây không cho phản ứng trùng ngưng?

- A. Axit aminoaxetic
- B. Axit ϵ -aminocaproic
- C. Axit acrylic
- D. Axit ω -aminoenantoic

Câu 6: Chất thuộc loại disaccarit là

- A. saccarozơ.
- B. fructozơ
- C. xenlulozơ.
- D. glucosơ.

Câu 7: Loại thực phẩm nào không chứa nhiều saccarôzơ là:

- A. mật ong. B. đường kính. C. đường phèn. D. mật mía.

Câu 8: Trong số các kim loại: nhôm, bạc, sắt, đồng, crom thì kim loại cứng nhất, dẫn điện tốt nhất lần lượt là:

- A. Crom, bạc. B. Crom, đồng. C. Sắt, nhôm. D. Sắt, bạc.

Câu 9: Mô tả nào dưới đây không đúng với glucozơ ?

- A. Còn có tên gọi là đường nho.
B. Chất rắn, màu trắng, tan trong nước và có vị ngọt.
C. Có 0,1% trong máu người.
D. Có mặt trong hầu hết các bộ phận của cây, nhất là trong quả chín.

Câu 10: Quá trình nhiều phân tử nhỏ (monome) kết hợp với nhau thành phân tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ như nước gọi là phản ứng

- A. trùng hợp. B. trao đổi. C. trùng ngưng. D. nhiệt phân.

Câu 11: Cấu hình electron của X^{2+} : $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$ Vậy vị trí của X trong bảng tuần hoàn là

- A. ô 18, chu kỳ 3, nhóm VIIIA. B. ô 20, chu kỳ 4, nhóm IIA.
C. ô 16, chu kỳ 3, nhóm VIA. D. ô 18, chu kỳ 3, nhóm VIA.

Câu 12: Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phản ứng trùng ngưng ?

- A. poliacrilonitrin B. poli(metyl metacrylat)
C. polistiren D. poli(etylen terephtalat)

Câu 13: Cho các chất sau: (X₁) C₆H₅NH₂; (X₂) CH₃NH₂; (X₃) H₂NCH₂COOH; (X₄) C₆H₁₂O₆;

(X₅) HOOCCH₂CH₂CH(NH₂)COOH; (X₆) H₂NCH₂CH₂CH₂CH₂CH(NH₂)COOH; (X₇) lòng trắng trứng

Dung dịch nào làm quỳ tím hóa xanh?

- A. X₁, X₂, X₅, X₇ B. X₂, X₃, X₄, X₆ C. X₂, X₆ D. X₁, X₅, X₄

Câu 14: Poli (metyl metacrylat) và nilon-6 được tạo thành từ các monome tương ứng là

- A. CH₃-COO-CH=CH₂ và H₂N-[CH₂]₅-COOH B. CH₂=C(CH₃)-COOCH₃ và H₂N-[CH₂]₆-COOH.
C. CH₂=C(CH₃)-COOCH₃ và H₂N-[CH₂]₅-COOH. D. CH₂=CH-COOCH₃ và H₂N-[CH₂]₆-COOH.

Câu 15: Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là

- A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 16: Cho m gam tinh bột lên men thành ancol (rượu) etylic với hiệu suất 81%. Toàn bộ lượng CO_2 sinh ra được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$, thu được 550 gam kết tủa và dung dịch X. Đun kỹ dung dịch X thu thêm được 100 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 550. B. 850. C. 650. D. 750.

Câu 17: Phân tử khối trung bình của PVC là 750000. Hệ số polime hoá của PVC là

- A. 25.000. B. 12.000 C. 15.000 D. 24.000

Câu 18: Trong số các loại tơ sau: tơ tằm, tơ visco, tơ nilon-6,6, tơ axetat, tơ capron, tơ enang, những loại tơ nào thuộc loại tơ nhân tạo?

- A. Tơ nilon-6,6 và tơ capron. B. Tơ tằm và tơ enang.
C. Tơ visco và tơ axetat. D. Tơ visco và tơ nilon-6,6.

Câu 19: Đun nóng dung dịch chứa 0,1 mol saccarozơ và 0,1 mol glucozơ với dung dịch H_2SO_4 loãng dư cho đến khi phản ứng thủy phân xảy ra hoàn toàn rồi trung hòa axit bằng kiềm, sau đó thực hiện phản ứng tráng gương với AgNO_3 dư. Khối lượng Ag thu được sau phản ứng là

- A. 43,2g B. 21,6g. C. 32,4g D. 64,8g

Câu 20: Cho nước brom dư vào anilin thu được 16,5 g kết tủa. Giả sử H = 100%. Khối lượng anilin trong dung dịch là

- A. 4,65. B. 46,5. C. 4,5. D. 9,3.

Câu 21: X là một Tetrapeptit cấu tạo từ Aminoacid Y, trong phân tử Y có 1 nhóm ($-\text{NH}_2$), 1 nhóm ($-\text{COOH}$), no, mạch hở. Trong Y Oxi chiếm 42,67% khối lượng. Thủy phân m gam X trong môi trường acid thì thu được 28,35(g) tripeptit; 79,2(g) dipeptit và 101,25(g) Y. Giá trị của m là?

- A. 258,3. B. 184,5. C. 202,95. D. 405,9.

Câu 22: Để nhận biết các dung dịch : lòng trắng trứng, anilin, glyxin, vinyl axetat, hồ tinh bột, ta có thể tiến hành theo trình tự sau:

- A. Quỳ tím, iot, $\text{Cu}(\text{OH})_2$, B. NaOH, nước brom, iot. C. Nước brom, $\text{Cu}(\text{OH})_2$, iot. D. Na, iot, $\text{Cu}(\text{OH})_2$

Câu 23: Phát biểu nào sau đây *không đúng*?

- A. Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hiđro khi đun nóng có xúc tác Ni
B. Các chất béo thường tan trong nước và nặng hơn nước
C. Chất béo là trieste của glixerol với các axit béo
D. Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm

Câu 24: Hãy chỉ ra điều sai trong các điều sau?

- A. Các amin đều có tính bazơ B. Amin tác dụng với axit cho ra muối
C. Tính bazơ của anilin yếu hơn NH_3 D. Amin là hợp chất hữu cơ có tính chất lưỡng tính

Câu 25: Đun 100ml dung dịch amino axit 0,2M tác dụng vừa đủ với 80 ml dd NaOH 0,25M. Sau phản ứng người ta chưng khô dd thì thu được 2,5g muối khan. Mặt khác lấy 100g dung dịch amino axit nói trên có nồng độ 20,6% phản ứng vừa đủ với 400ml dung dịch HCl 0,5M. Amino axit có công thức phân tử là

- A. $\text{H}_2\text{N}-\text{C}_4\text{H}_8-\text{COOH}$ B. $\text{H}_2\text{N}-\text{C}_2\text{H}_4-\text{COOH}$ C. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$ D. $\text{H}_2\text{N}-\text{C}_3\text{H}_6-\text{COOH}$

Câu 26: Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$. Tên gọi của X là

- A. propyl axetat B. metyl propionat. C. metyl axetat. D. etyl axetat.

Câu 27: Amino axit nào sau đây có hai nhóm amino?

- A. Axit Glutamic. B. Valin. C. Lysin. D. Alanin.

Câu 28: Phân tử khối trung bình của xenlulozơ là 1620 000. Giá trị n trong công thức $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$ là

- A. 9000 B. 10000 C. 8000 D. 7000

Câu 29: Cho các phát biểu sau:

- (a) Hiđro hóa hoàn toàn glucozơ tạo ra axit gluconic.
(b) Ở điều kiện thường, glucozơ và saccarozơ đều là những chất rắn, dễ tan trong nước.
(c) Amilopectin trong tinh bột chỉ có các liên kết α -1,4-glicozit.
(d) Sacarozơ bị hóa đen trong H_2SO_4 đặc.
(e) Trong công nghiệp được phẩm, saccarozơ được dùng để pha chế thuốc.

Trong các phát biểu trên, số phát biểu đúng là A. 2. B. 1 C. 4. D. 3.

Câu 30: Cho 7,5 gam axit aminoaxetic ($\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$) phản ứng hết với dung dịch HCl. Sau phản ứng, khối lượng muối thu được là:

- A. 44,00 gam. B. 11,15 gam C. 43,00 gam. D. 11,05 gam